



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06998/2024/PKQ (24.2034)

Tên khách hàng: Công Ty TNHH MTV Phát Triển Đô Thị Và KCN IDICO (IDICO URBIZ)
Địa chỉ: Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Thời gian nhận mẫu: 16/12/2024
Thời gian thử nghiệm: 16/12/2024 – 24/12/2024
Loại mẫu: Nước thải
Số lượng: 01 mẫu
Tên mẫu: N - NHONTRACH 1: Mương đo lưu lượng sau HTXL
(Tọa độ vị trí: X: 1187734 Y:410786)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	25	SMEWW 2550B:2017
2	Độ màu ^(b)	Pt/Co	18	SMEWW 2120C:2017
3	pH ^(a)	-	7,69	TCVN 6492:2011
4	Nhu cầu oxi sinh hoá (BOD ₅) ^(b)	mg/L	19	SMEWW 5210B:2017
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	45	SMEWW 5220C:2017
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	6	SMEWW 2540D:2017
7	Asen (As) ^(b)	mg/L	0,0017	SMEWW 3125B:2017
8	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	SMEWW 3125B:2017
9	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	0,0016	SMEWW 3125B:2017
10	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	0,0005	SMEWW 3125B:2017
11	Cr ³⁺ ^(b)	mg/L	0,0147	SMEWW 3125B:2017 + SMEWW 3500Cr.B:2017
12	Cr ⁶⁺ ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 3500Cr.B:2017
13	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	0,0094	SMEWW 3125B:2017
14	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	0,2	SMEWW 3111B:2017
15	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	0,0523	SMEWW 3125B:2017
16	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 3111B:2017
17	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 3111B:2017

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com



TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
18	CN ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	SMEWW 4500-CN.C&E:2017
19	Tổng Phenol ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,04)	TCVN 6216:1996
20	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
21	Sulfua (S ²⁻) ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,01)	TCVN 6637 : 2000
22	Florua (F ⁻) ^(b)	mg/L	1,21	SMEWW 4500-F.B&D:2017
23	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(b)	mg/L	0,14	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
24	Tổng Nitơ ^(b)	mg/L	10,8	TCVN 6624-2:2000
25	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	1,19	SMEWW 4500-P.B&E:2017
26	Clorua (Cl ⁻) ^(b)	mg/L	168	SMEWW 4500-Cl-.B:2017
27	Clo dư ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	SMEWW 4500-Cl-.G:2017
28	Coliform ^(b)	MPN/100mL	8 x 10 ²	SMEWW 9221B:2017
29	PCBs ^(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,00008)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270E

Ghi chú: KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.

(a)- Thông số được Vilas công nhận; (b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động

dịch vụ quan trắc môi trường;

- Thông tin mẫu do khách hàng cung cấp: Mẫu lấy ngày 16/12/2024

Tại thời điểm nhận mẫu, mẫu đang trong tình trạng được xử lý bảo quản và dán tem niêm phong nguyên

vẹn, cụ thể: - Bình nhựa 5 lít (bảo quản lạnh) tem số 026619

- Bình nhựa 2 lít (H₂SO₄ 1:1 → pH: 1-2) tem số 026620

- Bình nhựa 2 lít (HNO₃ → pH: 1-2) tem số 026621

- Bình nhựa 1 lít (NaOH 10M → pH > 12) tem số 026622

- Chai thủy tinh tối màu 1 lít (H₂SO₄ 1:1 → pH: 1-2) tem số 026623

- Chai thủy tinh tiệt trùng 100mL (bảo quản lạnh) tem số 026624

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM

Lê Minh Tuấn

QA/QC

Nguyễn Thanh Vũ

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2024

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Hoài Nam

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BM 24-1

Ngày hiệu lực: 01/01/2024

Trang: 2/2